

BẢN SAO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀNG TRẠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

M.S.D.N: 010
C
TRÁCH
KIỂM
TỬ V.
Q
Q. THANH.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀNG TRẠNG

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Quang Tào	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên
Ông Trần Quang Oánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Khang	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Hưng	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trương Thị Huyền Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Liên	Thường trực Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Kim Liên	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Quang Tào	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2016)
Ông Trần Quang Oánh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Minh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2016)
Bà Lê Thị Hiền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 69.02/2017/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu kỳ và số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Trong đó, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc hệ thống tài sản dự án thẻ chưa được tính khấu hao từ thời điểm hoàn thành năm 2012 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm 2016, Công ty chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan ý kiến ngoại trừ này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc không trích khấu hao đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang theo dõi số dư khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” số tiền là 6.054.399.607 đồng, “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” là 645.700.000 đồng, “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” số tiền là 119.296.352 đồng, tổng cộng là 6.819.395.959 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ của các khoản mục phải thu và tài sản này, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục phải thu và tài sản này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021- 2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		396.903.182.861	304.086.391.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	161.331.383.177	111.899.137.265
1. Tiền	111		71.457.660.517	38.825.414.605
2. Các khoản tương đương tiền	112		89.873.722.660	73.073.722.660
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.750.775.196	102.353.513.576
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	90.897.371.949	78.821.893.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	94.465.046.713	13.842.242.865
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	12.341.304.728	9.642.325.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(101.861.580)	(101.861.580)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		148.913.386	148.913.386
III. Hàng tồn kho	140		34.529.500.246	87.172.003.724
1. Hàng tồn kho	141	V.7	34.529.500.246	87.172.003.724
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.291.524.242	2.661.737.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	578.583.853	1.122.536.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.018.947.796	1.530.042.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	693.992.593	9.158.135
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.817.052.710	71.604.689.105
I. Tài sản cố định	220		27.221.439.786	29.828.927.890
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.362.665.479	24.460.208.440
- Nguyên giá	222		45.349.844.517	45.349.844.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.987.179.038)	(20.889.636.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.858.774.307	5.368.719.450
- Nguyên giá	228		5.669.175.367	5.669.175.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(810.401.060)	(300.455.917)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.933.837.327	39.090.652.091
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	41.933.837.327	39.090.652.091
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.061.033.400	1.061.033.400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.061.033.400	1.061.033.400
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.600.742.197	1.624.075.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	1.600.742.197	1.624.075.724
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		468.720.235.571	375.691.080.966

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		412.881.778.421	323.359.850.562
I. Nợ ngắn hạn	310		358.357.423.875	274.303.746.620
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	84.765.027.108	102.790.310.937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	224.865.678.558	110.415.501.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	1.199.289.072	544.375.293
4. Phải trả người lao động	314		3.308.825.932	5.575.051.025
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	265.107.346	2.985.025.790
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		124.818.182	116.818.182
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	32.188.712.159	26.016.649.958
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	11.594.898.900	25.384.827.670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	468.496.088
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.066.618	6.689.886
II. Nợ dài hạn	330		54.524.354.546	49.056.103.942
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	54.524.354.546	49.056.103.942
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.838.457.150	52.331.230.404
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	55.838.457.150	52.400.656.569
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.757.072.287	1.757.072.287
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.081.384.863	643.584.282
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		66.317.550	66.317.550
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.015.067.313	577.266.732
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	(69.426.165)
1. Nguồn kinh phí	431		-	(69.426.165)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		468.720.235.571	375.691.080.966



Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	416.298.549.977	504.104.227.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	354.900.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	415.943.649.977	504.104.227.127
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	395.615.850.944	485.135.951.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.327.799.033	18.968.276.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.657.336.110	3.421.862.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.156.599.309	4.022.273.479
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		551.346.886	930.615.466
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.247.505.681	1.492.154.716
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.165.557.576	14.099.406.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.415.472.577	2.776.304.248
11. Thu nhập khác	31		537.212.542	1.064.503.122
12. Chi phí khác	32		556.567.280	3.092.444.739
13. Lợi nhuận khác	40		(19.354.738)	(2.027.941.617)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.396.117.839	748.362.631
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.381.050.526	171.095.899
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.015.067.313	577.266.732
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	705	100
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		705	100



Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.396.117.839	748.362.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.607.488.104	1.533.420.953
Các khoản dự phòng	03	-	41.357.668
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(197.420.085)	
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.660.013.611)	359.584.342
Chi phí lãi vay	06	551.346.886	930.615.466
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.697.519.133	3.613.341.060
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(96.571.001.139)	(4.269.029.498)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	52.642.503.478	(2.851.921.026)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	102.027.435.863	17.789.300.578
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	567.286.100	576.718.042
Tiền lãi vay đã trả	14	(81.846.886)	(535.532.133)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(519.544.803)	(665.966.048)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(215.639.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63.762.351.746	13.441.271.210
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.127.503.760)	(14.799.490.797)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	14.756.636.363
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.660.013.611	2.720.602.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(467.490.149)	2.677.747.678
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.509.558.196	38.705.430.249
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.299.486.966)	(31.186.768.166)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(500.000.000)	(2.680.674.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.289.928.770)	4.837.987.093
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	49.004.932.827	20.957.005.981
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	111.899.137.265	90.942.131.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		427.313.085	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	161.331.383.177	111.899.137.265



Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần nhà nước giữ cổ phần chi phối được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty Điện tử Tin học hóa chất, trực thuộc Viện khoa học và Công nghệ quân sự thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 4570/QĐ-BQP ngày 04/12/2009 của Bộ Quốc Phòng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100306030 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/06/2010. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu và chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa thiết bị Nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Công thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: kinh doanh thiết bị ngành y tế. Xuất, nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị và các hệ thống đồng bộ, nông lâm hải sản, thực phẩm chế biến phục vụ sản xuất của Công ty. Kinh doanh thiết bị ngành xăng dầu, đo lường. Xuất nhập khẩu hàng kim khí điện máy, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị Thành viên như sau:

<u>Tên Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Xí nghiệp Vật liệu hóa chất	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Xí nghiệp Điện tử Tin học	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Xí nghiệp Giải Pháp	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Phòng Kỹ thuật	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Phòng Đầu tư	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Ban Đầu tư Dự án Cầu Giấy	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Ban quản lý Dự án Yên Thọ	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Ban Viễn Thông	Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội

Công ty có trụ sở tại số 8 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số cán bộ Nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 207 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá gốc của hàng hóa theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 30 năm, phần mềm có thời gian khấu hao 10 năm và tài sản cố định vô hình khác có thời gian khấu hao là 30 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.330.183.127	2.381.762.495
Tiền gửi ngân hàng	70.127.477.390	36.443.652.110
Các khoản tương đương tiền (*)	89.873.722.660	73.073.722.660
Cộng	161.331.383.177	111.899.137.265

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,5%/năm đến 5%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng hoạt động thương mại	27.128.755.932	25.496.661.322
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	63.399.971.017	53.025.977.324
Phải thu khách hàng hoạt động dịch vụ	368.645.000	299.255.000
Cộng	90.897.371.949	78.821.893.646

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước người bán hoạt động thương mại	93.122.962.233	10.364.207.287
Trả trước người bán hoạt động xây dựng	830.404.850	3.214.135.578
Trả trước người bán hoạt động dịch vụ	511.679.630	263.900.000
Cộng	94.465.046.713	13.842.242.865

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	2.500.014.687	1.506.198.361
Ký cược, ký quỹ	1.983.055.840	490.172.714
Phải thu ngắn hạn khác	7.858.234.201	7.645.954.184
Trong đó:		
- Phải thu từ dự án Cầu Giấy	4.045.734.515	4.045.734.515
- Phải thu ông Bùi Đức Mạnh	1.206.284.373	1.206.284.373
- Phải thu tiền mua cổ phần theo tỷ lệ của Công đoàn Công ty	230.553.120	235.273.120
- Phải thu phần vốn không được chấp nhận khi xác định vốn nhà nước	714.527.139	714.527.139
- Phải thu khác	1.661.135.054	1.444.135.037
Cộng	12.341.304.728	9.642.325.259

5. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	114.681.859	41.821.468
Chi phí đề tài	-	699.659.880
Chi phí trả trước khác	463.901.994	381.055.078
Cộng	578.583.853	1.122.536.426
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại nhà máy Quang Minh	1.583.046.440	1.624.075.724
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.537.333	-
Chi phí trả trước khác	8.158.424	-
Cộng	1.600.742.197	1.624.075.724

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. Nợ xấu**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Công ty TNHH Dịch vụ Trực tuyến 3G Dotcom	49.500.000	-	Trên 3 năm	49.500.000	-	Trên 3 năm
UBND tỉnh Quảng Trị	3.958.500	-	Trên 3 năm	3.958.500	-	Trên 3 năm
Viện chiến lược buu chính viễn thông	27.100.000	-	Trên 3 năm	27.100.000	-	Trên 3 năm
Điện lực Từ Liêm	8.110.080	-	Trên 3 năm	8.110.080	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hy vọng	3.193.000	-	Trên 3 năm	3.193.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Công nghệ Thiên Mã	10.000.000	-	Trên 3 năm	10.000.000	-	Trên 3 năm
Cộng	101.861.580	-		101.861.580	-	

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	620.594.069	-	273.559.449	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.285.122.913	-	48.631.418.262	-
Hàng hoá	11.623.783.264	-	38.267.026.013	-
Cộng	34.529.500.246	-	87.172.003.724	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	196.564.643	-	196.564.643	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	488.418.318	-	488.418.318	-
Thuế khác	9.009.632	152.288.350	152.139.847	9.158.135
Cộng	693.992.593	152.288.350	837.122.808	9.158.135
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	12.587.357.132	12.587.357.132	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	335.935.877	335.935.877	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	966.284.072	1.381.050.526	519.544.803	104.778.349
Thuế thu nhập cá nhân	-	(11.401.640)	70.696.431	82.098.071
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	233.005.000	1.099.520.000	1.224.013.873	357.498.873
Cộng	1.199.289.072	15.392.461.895	14.737.548.116	544.375.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	29.924.595.787	12.963.198.794	2.094.355.600	367.694.336	45.349.844.517
Tại ngày 31/12/2016	29.924.595.787	12.963.198.794	2.094.355.600	367.694.336	45.349.844.517
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	16.367.118.965	2.167.136.292	2.094.355.600	261.025.220	20.889.636.077
Khấu hao trong năm	1.250.802.629	772.836.276	-	73.904.056	2.097.542.961
Tại ngày 31/12/2016	17.617.921.594	2.939.972.568	2.094.355.600	334.929.276	22.987.179.038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	13.557.476.822	10.796.062.502	-	106.669.116	24.460.208.440
Tại ngày 31/12/2016	12.306.674.193	10.023.226.226	-	32.765.060	22.362.665.479

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.795.530.180 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.836.179.832 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.486.640.468 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.028.829.549 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	710.780.000	4.916.345.367	42.050.000	5.669.175.367
Tại ngày 31/12/2016	710.780.000	4.916.345.367	42.050.000	5.669.175.367
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	224.746.749	68.000.001	7.709.167	300.455.917
Khấu hao trong năm	23.708.940	484.834.534	1.401.669	509.945.143
Tại ngày 31/12/2016	248.455.689	552.834.535	9.110.836	810.401.060
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	486.033.251	4.848.345.366	34.340.833	5.368.719.450
Tại ngày 31/12/2016	462.324.311	4.363.510.832	32.939.164	4.858.774.307

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.848.345.367 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.848.345.367 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤT

Số 8 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lò mạ vuông	114.296.532	114.296.532
Chi phí đất Hòa Bình	5.000.000	5.000.000
Công trình dự án Cầu Giấy	41.786.960.068	38.971.355.559
Công trình dự án Yên Thọ	27.580.727	-
Cộng	41.933.837.327	39.090.652.091

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán hoạt động thương mại	39.911.056.427	39.911.056.427	62.011.794.819	62.011.794.819
Phải trả người bán hoạt động xây dựng	44.412.261.702	44.412.261.702	40.329.241.139	40.329.241.139
Phải trả người bán hoạt động dịch vụ	441.708.979	441.708.979	449.274.979	449.274.979
Cộng	84.765.027.108	84.765.027.108	102.790.310.937	102.790.310.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-ĐN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước hoạt động thương mại	213.390.265.245	86.165.090.318
Người mua trả tiền trước hoạt động xây dựng	11.475.413.313	24.250.411.473
Cộng	<u>224.865.678.558</u>	<u>110.415.501.791</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	85.800.134	2.447.775.790
Chi phí lãi vay	-	537.250.000
Chi phí trích trước hoạt động thương mại	179.307.212	-
Cộng	<u>265.107.346</u>	<u>2.985.025.790</u>

15. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	121.452.563	53.461.739
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.454.354	46.552.304
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.016.805.242	25.916.635.915
- Phải trả Cục Tài chính	5.400.150.000	9.000.000.000
- Phải trả tiền đề tài	-	1.500.000.000
- Phải trả ông Nguyễn Việt Hưng	1.077.171.698	1.077.171.698
- Phải trả ông Bùi Đức Mạnh	8.411.210.253	10.514.040.096
- Phải trả ông Đỗ Xuân Giao Hương	1.680.000.000	-
- Phải trả hợp đồng ủy thác	10.754.731.712	-
- Phải trả lãi vay cá nhân	1.006.750.000	-
- Các khoản phải trả khác	3.686.791.579	3.825.424.121
Cộng	<u>32.188.712.159</u>	<u>26.016.649.958</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	419.454.546	509.454.546
Phải trả tiền góp vốn Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia {i}	54.104.900.000	48.546.649.396
Cộng	<u>54.524.354.546</u>	<u>49.056.103.942</u>

- {i} Phải trả tiền góp vốn Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia theo Hợp đồng số 01/HĐ/HTĐT/CG-ELINCO/2014 ngày 25 tháng 06 năm 2014 về việc hợp tác triển khai công trình xây dựng "Trung tâm nghiên cứu và phát triển phần mềm, nhà điều hành sản xuất và kinh doanh, khu bao gói sản phẩm nhà máy sản xuất thẻ thông minh (Dự án Cầu Giấy)" tại Lô B1F, cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ Quận Cầu Giấy. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất góp 5% giá trị hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia góp 95% giá trị hợp tác đầu tư. Hai bên được hưởng diện tích sản phẩm chia theo tỷ lệ góp vốn. Hiện tại, dự án đang ngừng thi công do chờ cấp phép xây dựng chuyển đổi mục đích dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.324.898.900	3.324.898.900	27.509.558.196	42.961.486.966	18.776.827.670	18.776.827.670
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội {i}	2.050.000.000	2.050.000.000	2.050.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đông Đô {ii}	1.274.898.900	1.274.898.900	25.459.558.196	42.961.486.966	18.776.827.670	18.776.827.670
Vay cá nhân	8.270.000.000	8.270.000.000	2.000.000.000	338.000.000	6.608.000.000	6.608.000.000
Bà Trần Minh Phương {iii}	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Trần Quang Oánh {iii}	5.000.000.000	5.000.000.000	2.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Trần Vũ Vinh {iv}	270.000.000	270.000.000	-	-	270.000.000	270.000.000
Ông Phạm Tiến Hưng	-	-	-	338.000.000	338.000.000	338.000.000
Tổng	11.594.898.900	11.594.898.900	29.509.558.196	43.299.486.966	25.384.827.670	25.384.827.670

{i} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-029174135. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất linh hoạt điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

{ii} Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đông Đô theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 01 ngày 1 tháng 11 năm 2016 với tổng giải ngân là 1.274.898.900 đồng. Thời gian vay 3 tháng, kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 01 tháng 02 năm 2017. Lãi suất vay là 7,9%/năm. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 92/2016/HDBD/TDO/01 ngày 31 tháng 10 năm 2016 áp dụng đối với Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai với tổng giá trị đảm bảo được định giá là 3.230.500.000 đồng.

{iii} Các khoản vay cá nhân Bà Trần Minh Phương và Ông Trần Quang Oánh theo các hợp đồng vay ngắn hạn, lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.

{iv} Khoản vay ông Trần Vũ Vinh lãi suất 0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	50.000.000.000	1.233.675.313	2.275.475.289	53.509.150.602
Lợi nhuận tăng (giảm) trong năm	-	-	577.266.732	577.266.732
Trả cổ tức	-	-	(2.209.157.739)	(2.209.157.739)
Phân phối các quỹ	-	523.396.974	-	523.396.974
Số dư tại ngày 01/01/2016	50.000.000.000	1.757.072.287	643.584.282	52.400.656.569
Lợi nhuận tăng (giảm) trong năm	-	-	4.015.067.313	4.015.067.313
Trả cổ tức	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(77.266.732)	(77.266.732)
Số dư tại ngày 31/12/2016	50.000.000.000	1.757.072.287	4.081.384.863	55.838.457.150

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Chi tiết Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bộ Quốc phòng	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn MK	5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ đông khác	19.500.000.000	19.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	416.298.549.977	504.104.227.127
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động thương mại	226.741.462.487	329.006.195.664
Doanh thu hoạt động xây lắp	169.552.919.835	170.873.947.198
Doanh thu dịch vụ	20.004.167.655	4.224.084.265
Cộng	416.298.549.977	504.104.227.127
Các khoản giảm trừ doanh thu	354.900.000	-
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	354.900.000	-
Cộng	354.900.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	415.943.649.977	504.104.227.127

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động thương mại	219.695.309.668	316.464.218.802
Giá vốn hoạt động xây lắp	159.837.667.204	4.006.939.295
Giá vốn hoạt động dịch vụ	16.082.874.072	164.664.792.913
Cộng	395.615.850.944	485.135.951.010

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.660.013.611	2.720.602.112
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.997.322.499	701.260.735
Cộng	4.657.336.110	3.421.862.847

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	551.346.886	930.615.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá	605.252.423	3.091.658.013
Cộng	1.156.599.309	4.022.273.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	266.970.528	26.844.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	658.155.670	63.857.863
Chi phí bằng tiền khác	1.322.379.483	1.401.452.458
Cộng	2.247.505.681	1.492.154.716

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	150.305.172	2.318.182
Chi phí nhân công	10.644.367.852	9.500.948.499
Chi phí khấu hao tài sản	1.649.084.150	477.930.639
Chi phí dự phòng	-	121.357.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.518.626.920	1.488.577.530
Chi phí bằng tiền khác	1.203.173.482	2.508.274.003
Cộng	16.165.557.576	14.099.406.521

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.396.117.839	748.362.631
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận theo kế toán	1.374.468.100	29.346.000
Các khoản điều chỉnh tăng	1.374.468.100	29.346.000
Chi phí không được trừ	1.374.468.100	29.346.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.770.585.939	777.708.631
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp	1.354.117.188	171.095.899
Thuế TNDN truy thu theo Biên bản quyết toán thuế	26.933.338	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.381.050.526	171.095.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.015.067.313	577.266.732
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(489.998.404)	(77.266.732)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(489.998.404)	(77.266.732)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(489.998.404)	(77.266.732)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.525.068.909	500.000.000
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	705	100

- (*) Giá trị Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 653/NQ-ELINCO ngày 29 tháng 07 năm 2016 của Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Số liệu trên báo cáo 2015 trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu trên báo cáo 2015 sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	577.266.732	-	577.266.732
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(77.266.732)	(77.266.732)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(77.266.732)	(77.266.732)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(77.266.732)	(77.266.732)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	577.266.732	(77.266.732)	500.000.000
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	-	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	(15)	100

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.702.778.667	56.063.679.755
Chi phí nhân công	42.475.315.961	33.933.034.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.607.488.104	1.533.420.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.019.648.371	94.838.006.716
Chi phí khác bằng tiền	2.525.552.965	8.872.821.787
Cộng	143.330.784.068	195.240.963.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-ĐN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	11.594.898.900	25.384.827.670
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	161.331.383.177	111.899.137.265
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	55.838.457.150	52.400.656.569
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.331.383.177	111.899.137.265
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.653.744.570	86.365.986.250
Đầu tư dài hạn	1.061.033.400	1.061.033.400
Các khoản ký quỹ	1.983.055.840	490.172.714
Cộng	263.029.216.987	199.816.329.629
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	11.594.898.900	25.384.827.670
Phải trả người bán và phải trả khác	171.356.641.250	177.809.603.098
Chi phí phải trả	265.107.346	2.985.025.790
Cộng	183.216.647.496	206.179.456.558

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền	161.331.383.177	-	-	161.331.383.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.653.744.570	-	-	98.653.744.570
Đầu tư dài hạn	-	1.061.033.400	-	1.061.033.400
Các khoản ký quỹ	1.983.055.840	-	-	1.983.055.840
Cộng	261.968.183.587	1.061.033.400	-	263.029.216.987
Tại ngày 31/12/2016				
Các khoản vay	11.594.898.900	-	-	11.594.898.900
Phải trả người bán và phải trả khác	116.832.286.704	54.524.354.546	-	171.356.641.250
Chi phí phải trả	265.107.346	-	-	265.107.346
Cộng	128.692.292.950	54.524.354.546	-	183.216.647.496
Chênh lệch thanh khoản thuần	133.275.890.637	(53.463.321.146)	-	79.812.569.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền	111.899.137.265	-	-	111.899.137.265
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.365.986.250	-	-	86.365.986.250
Đầu tư dài hạn	-	1.061.033.400	-	1.061.033.400
Các khoản ký quỹ	490.172.714	-	-	490.172.714
Cộng	198.755.296.229	1.061.033.400	-	199.816.329.629
Tại ngày 01/01/2016				
Các khoản vay	25.384.827.670	-	-	25.384.827.670
Phải trả người bán và phải trả khác	123.285.248.552	54.524.354.546	-	177.809.603.098
Chi phí phải trả	2.985.025.790	-	-	2.985.025.790
Cộng	126.270.274.342	54.524.354.546	-	180.794.628.888
Chênh lệch thanh khoản thuần	72.485.021.887	(53.463.321.146)	-	19.021.700.741

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quanMối quan hệ

Ông Trần Quang Oánh

Thành viên Hội đồng quản trị và
Ban Giám đốc

Ông Phạm Tiến Hưng

Thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016 như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vay trong năm		
Ông Trần Quang Oánh	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Phạm Tiến Hưng	-	338.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.338.000.000
Trả tiền vay trong năm		
Ông Phạm Tiến Hưng	338.000.000	-
Cộng	338.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-ĐN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số dư tiền vay		
Ông Trần Quang Oánh	5.000.000.000	3.000.000.000
Ông Phạm Tiến Hưng	-	338.000.000
Cộng	5.000.000.000	3.338.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và thù lao	947.356.310	1.128.738.650
Cộng	947.356.310	1.128.738.650

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Một số sai sót phát sinh từ năm 2015 trở về trước đã được điều chỉnh hồi tố vào số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Sai sót từ năm 2015 trở về trước được điều chỉnh hồi tố vào số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nội dung	Số tiền VND
1. Phân loại phải trả tiền góp vốn Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia từ phải trả ngắn hạn khác sang phải trả dài hạn khác	48.546.649.396

Ảnh hưởng của các sai sót nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Ảnh hưởng của các sai sót VND
Bảng cân đối kế toán	
1. Điều chỉnh phân loại phải trả ngắn hạn khác sang phải trả dài hạn khác	
Giảm Phải trả ngắn hạn khác	48.546.649.396
Tăng Phải trả dài hạn khác	48.546.649.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Số liệu Báo cáo của các chỉ tiêu trên trước điều chỉnh và sau điều chỉnh:

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Mã số	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	323.359.850.562	323.359.850.562
I. Nợ ngắn hạn	310	322.850.396.016	274.303.746.620
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	74.563.299.354	26.016.649.958
II. Nợ dài hạn	330	509.454.546	49.056.103.942
1. Phải trả dài hạn khác	337	509.454.546	49.056.103.942



Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 1 9 9 7 Quyền số: 0 5 SCT/BS

Ngày: 23-05-2017

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG DỊCH VỌNG



Nguyễn Ngọc Anh